TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST Ngày: 05-5-2023 "*V/v Ly hôn, trA chấp nuôi con chung*"	

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Th.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ch;
2. Ông Lê Quang Th.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Q – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ* *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thu B – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "*Ly hôn, trA chấp con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nhữ Thị Lan A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 18, xã Đak Sơ Mei, huyện Đ, tỉnh G. (Vắng mặt, theo đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: A Bùi Văn K, sinh năm 1984.

Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Thôn 18, xã Đak Sơ Mei, huyện Đ, tỉnh G (Vắng mặt, đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2023, bản tự khai ngày 08/02/2023 và các biên bản làm việc khác thì chị Nhữ Thị Lan A trình bày:

Chị và A Bùi Văn K chung sống với nhau từ năm 2012 và đăng ký kết hôn ngày 02/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đak Sơ Mei, huyện Đ, tỉnh G. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì, cho đến ngày 15/01/2019 A K đã tự ý bỏ nhà đi cho đến nay không liên lạc với gia đình và chị

cũng không có tin tức gì của A K. Quá trình A K bỏ nhà đi chị và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức của A K. Cho đến ngày 29/6/2022 chị đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên bố mất tích đối với A Bùi Văn K. Đến ngày 14/12/2022 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G ban hành Quyết định số 02/2022/QĐST-VDS tuyên bố A Bùi Văn K mất tích.

Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố A Bùi Văn K mất tích đến nay chị cũng không thấy A K, vì vậy nay chị khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G yêu cầu được ly hôn với A Bùi Văn K.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và A Bùi Văn K có 02 con chung là: Bùi Thị Khánh Hòa, sinh ngày 26/02/2012 và Bùi Nhữ Minh Quân, sinh ngày 31/12/2016. Từ khi A K đi khỏi nhà năm 2019 đến nay chị trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu A K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với A Bùi văn K do đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2019 cho đến nay và đã có Quyết định tuyên bố mất tích nên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G nên Tòa án không thể triệu tập để lấy lời khai và hòa giải theo thủ tục chung. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án tại Ủy ban nhân dân xã Đak Sơ Mei. Ngày 29/3/2023 Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai sơ thẩm, A Bùi Văn K vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của A K. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương nơi cư trú cuối cùng của A K để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị Nhữ Thị Lan A có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nhữ Thị Lan A đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn A Bùi Văn K đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa chị Nhữ Thị Lan A vì điều kiện công việc nên có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đế xét xử vắng mặt chị A là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nhữ Thị Lan A và A Bùi Văn K chung sống với nhau từ năm 2012 và đăng ký kết hôn ngày 02/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đak Sơ Mei, huyện Đ, tỉnh G, A Bùi Văn K có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn 18, xã Đak sơ mei, huyện Đ, tỉnh G. Nay chị Nhữ Thị Lan A có đơn yêu cầu ly hôn căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G. Do A Bùi Văn K bị tuyên bố mất tích nên Tòa án nên Tòa án đã quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 207 và Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên Tòa nguyên đơn chị Nhữ Thị Lan A có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị A.

[2] Về quan hện hôn nhân: Chị Nhữ Thị Lan A và A Bùi Văn K kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và không xảy ra mâu thuẫn gì. Nhưng đến ngày 15/01/2019 A K đã tự ý bỏ nhà đi cho đến nay không liên lạc với gia đình và chị Nhữ Thị Lan A cũng không có tin tức gì của A K. Quá trình A K bỏ nhà đi chị Nhữ Thị Lan A và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức của A K.

Do A K bỏ đi đã từ năm 2019 mà không có tin tức nên tình cảm vợ chồng không còn vì vậy chị Nhữ Thị Lan A có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố A Bùi Văn K mất tích với lý do để xin ly hôn. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố mất tích của chị A đối với A K. Tòa án đã thông báo tìm kiếm A K trên thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức. Ngày 14/12/2022 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định số 02/2022/QĐST-DS tuyên bố A Bùi Văn K mất tích.

Tại phiên tòa sơ thẩm Chị Nhữ Thị Lan A có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với A Bùi Văn K để có điều kiện ổn định cuộc sống riêng và nuôi dạy con trưởng thành. Như vậy, cho đến thời điểm này tình cảm vợ chồng giữa chị A và A K là không còn, hai người không còn sống chung với nhau nhiều năm, không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, A K bỏ chị A ra đi mà không cùng với chị A lo vun vén để tạo dựng hạnh phúc gia đình. Từ ngày A K bỏ đi đến nay chị A đã có nhiều cố gắng nuôi dạy con chung và tìm kiếm A K. Đồng thời, Tòa án cũng đã có thông báo tìm kiếm nhưng không mang lại kết quả, vì vậy cho dù chị A có muốn hàn gắn lại hạnh phúc gia đình cũng không thể đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng dẫn đến cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại và kéo dài.

[3] Áp dụng pháp luật: Căn cứ vào khoản 2, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nhữ Thị Lan A đối với A Bùi Văn K là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị Nhữ Thị Lan A và A Bùi Văn K có 02 con chung là Bùi Thị Khánh Hòa, sinh ngày 26/02/2012 và Bùi Nhữ Minh Quân, sinh ngày 31/12/2016. Chị Nhữ Thị Lan A đang nuôi dưỡng các con chung từ năm 2019 đến nay, nay chị A yêu cầu được nuôi các con không yêu cầu A K cấp dưỡng. Nhận thấy, từ ngày A K bỏ đi thì chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, nay chị A có yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu A K cấp dưỡng là hoàn tự nguyện và có căn cứ nghĩ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nhữ Thị Lan A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nhữ Thị Lan A là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Dân sự .

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nhữ Thị Lan A.

Về hôn nhân: Chị Nhữ Thị Lan A được ly hôn A Bùi Văn K.

Về con chung: Giao hai con chung là Bùi Thị Khánh Hòa, sinh ngày 26/02/2012 và Bùi Nhữ Minh Quân, sinh ngày 31/12/2016 cho chị Nhữ Thị Lan A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình và ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu A K cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nhữ Thị Lan A phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng chị Nhữ Thị Lan A đã nộp theo biên lai thu số 0009819 ngày 08/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Nhữ Thị Lan A và bị đơn A Bùi Văn K vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang ThA **Nguyễn Thị Chín** **Nguyễn Thị Hoài Thơ**